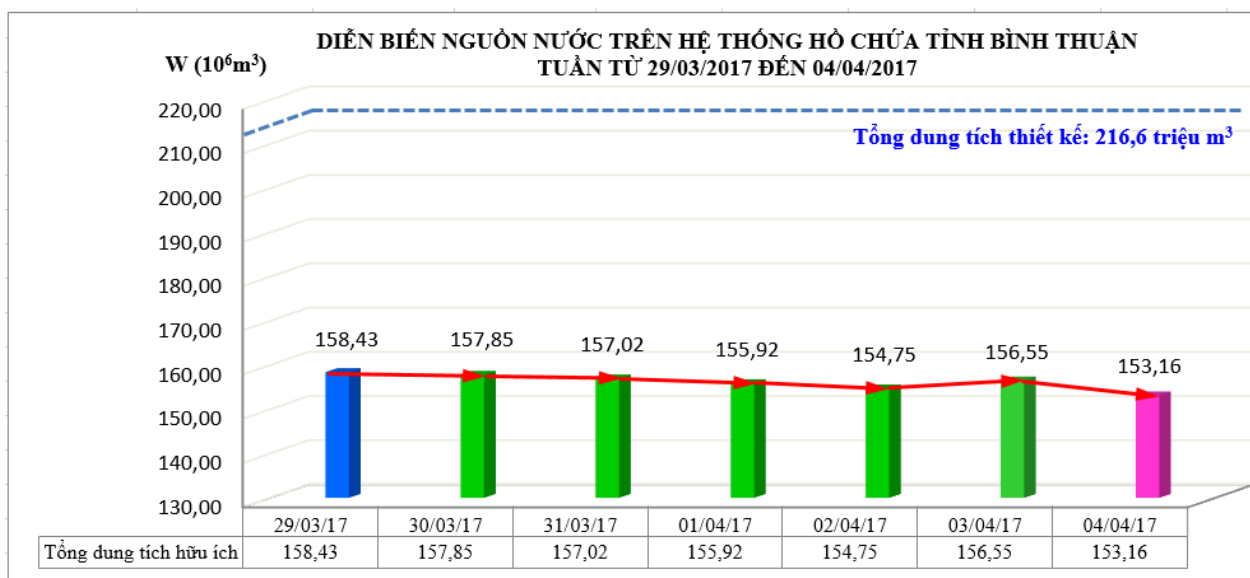


BẢN TIN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC
SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017
(Tuần từ 05/04/2017 đến 11/04/2017)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 29/03/2017 – 04/04/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 29/03/2017 đến 04/04/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ, đập trong tuần nhìn chung có xu hướng giảm. Tuy nhiên vào ngày 03/04/2017 có mưa giông trái mùa vài nơi, nên đã bổ sung nước cho một số hồ ở khu vực phía Nam, lúc này tổng dung tích các hồ tăng nhẹ, đạt mức 156,55 triệu m³. Tổng lượng giảm trong tuần qua là 5,28 triệu m³, trong khi đó mức giảm bình quân là 0,88 triệu m³/ngày. Đến thời điểm hiện tại tổng lượng nước tích trữ trong các hồ/ đập nhìn chung vẫn còn ở mức khá so với tổng dung tích thiết kế (153,16 triệu m³ / 216,6 triệu m³).



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 29/03-04/04/2017

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 04/04/2017

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 04/04/2017 tổng dung tích của 16 hồ, đập lớn trên địa bàn tỉnh Bình

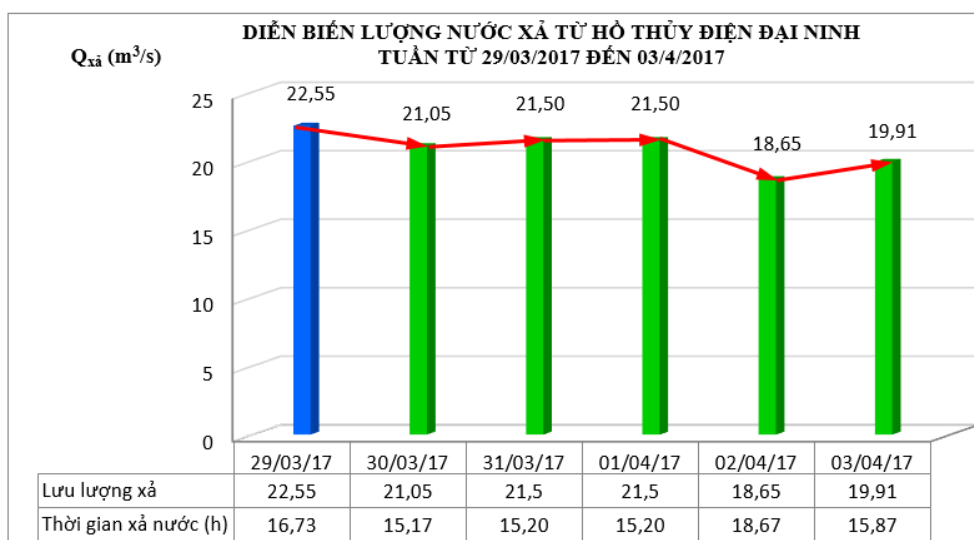
Thuận là 153,16 triệu m³, đạt 70,72 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ có sự thay đổi, về tổng thể chung thì giảm tuy nhiên một số hồ tăng dung tích so với đầu tuần như hồ Đu Đủ, hồ Cà Giây, hồ Cẩm Hang và hồ Tân Lập. Hồ có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là hồ Trà Tân với tỉ lệ là 31,85% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Đá Bạc đạt 108,15% dung tích thiết kế. Các hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh như: hồ Lòng Sông, hồ Phan Dũng tính đến thời điểm hiện nay vẫn còn khá nhiều nước (Dung tích hiện tại đều lớn hơn 90% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 04/04/2017

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	5,235	4,87	9,718	0,392	4,478	4,843	108,15%
2	Lòng Sông	34,202	37,16	40,271	3,464	33,696	30,738	91,22%
3	Cà Giây	26,929	36,921	63,209	8,409	28,512	18,520	64,96%
4	Sông Khán	1,327	2,014	2,52	0,261	1,753	1,066	60,81%
5	Sông Quao	51,823	73	80	5,7	67,3	46,123	68,53%
6	Suối Đá	5,406	9,131	12,786	1,273	7,858	4,133	52,60%
7	Cẩm Hang	0,506	1,18	1,215	0,013	1,167	0,493	42,25%
8	Sông Móng	24,499	37,156	51,515	2,985	34,171	21,514	62,96%
9	Ba Bàu	4,684	6,938	11,403	0,964	5,974	3,720	62,27%
10	Đu Đủ	3,653	3,664	5,217	0,297	3,367	3,356	99,67%
11	Tân Lập	0,836	1,07	1,52	0,07	1	0,766	76,60%
12	Tà Mon	0,360	0,657	0,72	0,05	0,607	0,310	51,07%
13	Núi Đất	4,348	8,466	9,648	0,566	7,9	3,782	47,87%
14	Trà Tân	1,513	3,888	8,333	0,403	3,485	1,110	31,85%
15	Sông Phan	1,620	3,022	3,579	0,172	2,85	1,448	50,81%
16	Phan Dũng	12,469	13,674	18,925	1,233	12,441	11,236	90,31%
Tổng Cộng		179,410	242,811	320,579	26,252	216,559	153,158	70,72%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 04/04/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 164,67 triệu m³/251,7 triệu m³, đạt 65,42 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 8,08 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 29/03/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 29/03/2017 đến 03/04/2017

Tính đến ngày 04/04/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 423,30 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 81,01 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 0,48 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 29/03/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 04/04/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	232,711	319,770	549,820	68,040	251,730	164,671	65,42%
2	<u>Hàm Thuận</u>	596,031	695,230	976,650	172,730	522,500	423,301	81,01%
Tổng Cộng		828,742	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	587,972	75,94%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 04/2017	Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 04/2017
a. <u>Khí tượng:</u> - Thời kỳ đầu tháng: mây thay đổi, nhiều nơi không mưa, ngày nắng; thời kỳ giữa và cuối tháng: mây thay đổi, đêm và chiều tối có mưa dông nhiệt vài nơi; lượng mưa tăng dần vào cuối tháng. Dự báo lượng mưa tháng 4/2017	a. <u>Khí tượng:</u> - Dự báo thời tiết các thời kỳ trong tuần: trời mây thay đổi, nhiều nơi không mưa, thời kỳ cuối tuần có mưa dông nhiệt vài nơi về chiều tối và đêm; ngày nắng. Dự báo lượng mưa vài nơi phổ biến: 0 –

phổ biến từ 20 - 40mm, vùng núi : 50 - 75mm, đạt xấp xỉ TBNN - CTK; với 3 - 6 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 110 - 130mm. Riêng phía bắc: 150-170mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,15m; Hmax = 116,80m; Hmin = 115,50m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,15m; Hmax = 23,30m; Hmin = 23,00m.

10mm vùng núi: 10 – 25mm đạt xấp xỉ TBNN, với khoảng 1 – 2 ngày mưa.

-Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm. Phía bắc là 50-60 mm.

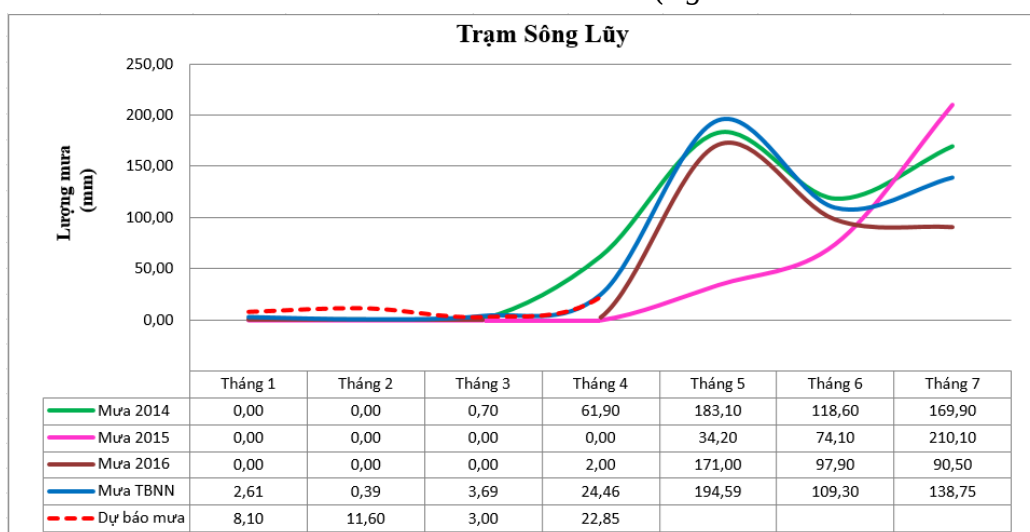
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+Tà Pao: Htb=116,18m; Hmax = 116,80m; Hmin = 115,60m.

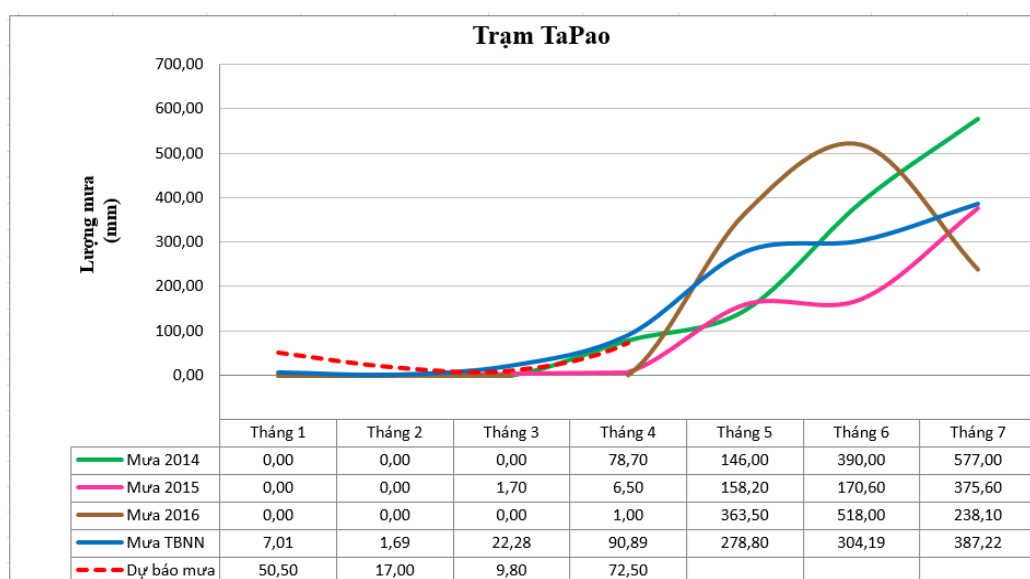
+ Sông Lũy: Htb = 23,15m; Hmax = 23,30m; Hmin = 23,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 4 tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 4 tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 4) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập tháng 4 năm 2017 ($10^6 m^3$)	
		Tháng 4 ($10^6 m^3$)	Tổng cộng ($10^6 m^3$)
1	Hồ Đá Bạc	0,249	0,249
2	Hồ Phan Dũng	3,608	3,608
3	Hồ Lòng Sông	3,774	3,774
4	Đập Sông Lũy	44,222	44,222
5	Hồ Cà Giây	1,534	1,534
6	Đập Đồng Mới, . Đồng Măng. Tú Sơn. Đồng Gòn. Trường An. Tầm Ru. Ma Ní	3,069	3,069
7	Hồ Sông Quao	2,903	2,903
8	Hồ Suối Đá	0,352	0,352
9	Hồ Sông Khán	0,015	0,015
10	Hồ Cà Giang	0,073	0,073
11	Hồ Cẩm Hang	0,109	0,109
12	Hồ Sông Móng	0,544	0,544
13	Đập Ba Bàu	1,343	1,343
14	Hồ Đu Đủ	0,091	0,091
15	Đập Sông Phan	0,653	0,653
16	Hồ Tân Lập	0,003	0,003
17	Hồ Tà Mon	0,003	0,003
18	Hồ Núi Đất	0,016	0,016
19	Hồ Sông Dinh	1,991	1,991
20	Đập Cô Kiều	0,025	0,025
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	68,198	68,198
22	Hồ Trà Tân	1,516	1,516
Tổng cộng			134,289

Dự kiến lượng nước xả vụ Hè Thu của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng ($10^6 m^3$)
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	21	7	14	15	14	187,14
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	17	9	13	14	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	32	32	32	25	16	361,41
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	16	16	14	11	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Hè Thu từ tháng 04/2017 đến tháng 08/2017 là 583,51 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Hè Thu 2017									
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)					
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
	Tổng cộng	33.480,00	39.851,00	14.736,00	497,00	106,05	172,47	147,01	102,63	55,35	583,51
1	Hồ Đá Bạc	271,37	78,66	54	-	1,65	1,23	1,33	0,75	0,53	5,49
2	Hồ Phan Dũng	123,99	157,31	108	-	0,87	0,88	1,03	0,52	0,37	3,66
3	Hồ Lòng Sông	3.061,65	284,03	195	79,00	14,25	8,30	9,11	3,77	1,46	36,88
4	Đập Sông Lũy	6.321,78	4.047,83	294	-	13,35	31,11	23,93	17,10	2,80	88,28
5	Hồ Cà Giây	1.397,40	5.452,17	396	-	4,81	16,04	14,43	5,07	1,01	41,36
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,82	3.800	276	-	4,58	12,53	11,32	4,83	1,91	35,17
7	Hồ Sông Quao	6.369,05	3.267,35	6.622,06	-	11,83	22,71	30,56	27,44	14,30	106,84
8	Hồ Suối Đá	234,96	231,88	469,95	-	0,11	0,58	1,03	0,86	0,30	2,89
9	Hồ Sông Khán	73,99	16,78	34	-	0,04	0,15	0,21	0,18	0,04	0,61
10	Hồ Sông Móng	-	212,69	177,27	-	0,20	0,31	0,41	0,51	0,40	1,83
11	Đập Ba Bàu	725,16	4.349,28	3.625,10	-	4,53	7,63	7,97	10,32	6,85	37,30
12	Hồ Đu Đủ	96,84	1.180,13	983,63	-	0,97	1,70	2,03	2,63	1,83	9,15
13	Đập Sông Phan	1	722,66	602,33	-	0,51	0,77	1,06	0,71	0,62	3,67
14	Hồ Tân Lập	0,00	566,07	471,82	-	0,30	0,50	0,73	0,45	0,38	2,36
15	Hồ Tà Mon	0,00	164,18	136,84	-	0,09	0,15	0,21	0,13	0,11	0,69
16	Hồ Núi Đất	430	575	226	-	1,87	2,27	1,21	1,20	0,56	7,11
17	Hồ Sông Dinh	417	10.170	64	-	1,99	2,50	1,46	1,65	1,03	8,63
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,14	0,19	0,09	0,11	0,05	0,57
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	12.798,85	3.200	-	418,00	43,97	60,41	36,69	23,32	20,81	185,20
20	Hồ Trà Tân	99,15	1.375	-	-	-	2,55	2,21	1,08	-	5,84

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU NĂM 2017

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 05/04/2017 đến 11/04/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 11/04/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm, tổng dung tích giảm xuống còn 146,43 triệu m³ (chiếm 67,62% so với dung tích thiết kế), giảm 6,72 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 04/04/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 11/04/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$)	Nguồn nước hiện tại - 04/04/2017			Dự kiến nguồn nước đến 11/04/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 04/04/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 11/04/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	31,26	4,843	108,15%	31,03	 4,494	100,35%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	75,67	30,738	91,22%	75,19	 29,659	88,02%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	72,65	18,520	64,96%	72,76	 19,056	66,84%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	105,37	1,066	60,81%	105,21	 1,005	57,34%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	85,27	46,123	68,53%	84,82	 43,900	65,23%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,67	4,133	52,60%	45,61	 4,004	50,96%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	23,66	0,493	42,25%	23,69	 0,507	43,41%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	73,15	21,514	62,96%	72,45	 18,665	54,62%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,17	3,720	62,27%	41,13	 3,611	60,45%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	60,99	3,356	99,67%	60,95	 3,313	98,40%
11	Hồ Tân Lập	44	1	43,35	0,766	76,60%	43,63	 0,867	86,68%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	44,90	0,310	51,07%	44,60	 0,263	43,33%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	21,19	3,782	47,87%	20,98	 3,471	43,94%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	93,75	1,110	31,85%	93,71	 1,060	30,42%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	66,70	1,448	50,81%	66,67	 1,435	50,34%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	205,86	11,236	90,31%	205,81	 11,124	89,41%
	Tổng		216,559		153,16	70,72%		146,43	67,62%

Ghi chú:    Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo tuần từ ngày 05/04 - 11/04/2017 sẽ có:

- + 18/19 hồ/đập thủy lợi có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Đá Bạc, đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Đu Đủ, hồ Tân Lập;
- + 1/19 hồ/đập còn lại trên địa bàn tỉnh cũng đáp ứng phần lớn diện tích tưới: hồ Núi Đất (đáp ứng 95% nhu cầu nước nông nghiệp).

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Hè Thu 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu		
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)		Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017
		Tháng 4	Tổng	

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu		
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)		Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017
		Tháng 4	Tổng	
1	Hồ Đá Bạc	0	0	100%
2	Hồ Phan Dũng	0	0	100%
3	Hồ Lòng Sông	0	0	100%
4	Đập Sông Lũy	0	0	100%
5	Hồ Cà Giây	0	0	100%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	100%
7	Hồ Sông Quao	0	0	100%
8	Hồ Suối Đá	0	0	100%
9	Hồ Sông Khán	0	0	100%
10	Hồ Sông Móng	0	0	100%
11	Đập Ba Bàu	0	0	100%
12	Hồ Đu Đủ	0	0	100%
13	Đập Sông Phan	0	0	100%
14	Hồ Tân Lập	0	0	100%
15	Hồ Tà Mon	0	0	100%
16	Hồ Núi Đất	0,086	0,086	95%
17	Hồ Sông Dinh	0	0	100%
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	100%
19	Hồ Trà Tân	0	0	100%
Tổng			0,086	

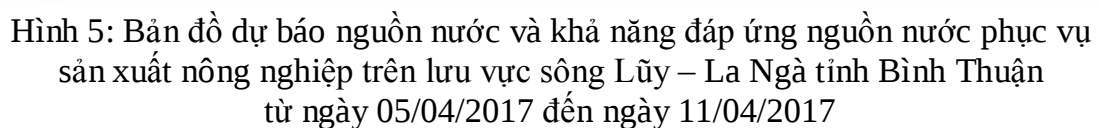
Kết luận - Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 11/04/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh còn khoảng 146,43 triệu m^3 (chiếm 67,62% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 05/04/2017 đến ngày 11/04/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 11/04/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 29,66 triệu m^3 , hồ Phan Dũng có 11,12 triệu m^3 , hồ Đá Bạc 4,49 triệu m^3 : Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Cà Giây có 19,06 triệu m^3 , hồ Sông Quao có 43,9 triệu m^3 : có thể tận dụng

- Hồ Sông Móng có 18,66 triệu m³, đập Ba Bàu có 3,61 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,26 triệu m³, hồ Đu Đủ có 3,31 triệu m³, hồ Tân Lập có 0,87 triệu m³, hồ Núi Đất có 3,47 triệu m³, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cận vụ Hè Thu;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2017.



(Lưu ý: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong mùa khô. Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, thiếu nước mùa khô 2017, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

9